**NG** **ÂN H** **ÀNG C** **ÂU 5 ĐI** **ÊM:**

***Câu 42: Những điểm bổ sung phát triển chủ trương của ĐH đảng 9 về phát triền nền kinh tế nhiều thành phần?***

- Đại hội VIII của Đảng nêu 5 thành phần kinh tế**: Kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế cá thể tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân**. Đại hội IX của Đảng xác định, ở nước ta hiện nay, cần phát triển 6 thành phần kinh tế, tức là ngoài 5 thành phần kinh tế nêu trên, có thêm thành phần ***kinh tế có vốn đầu tư nước.***- Đại hội IX của Đảng nhấn mạnh, kinh tế nhà nước là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế vĩ mô. Doanh nghiệp nhà nước giữ vị trí then chốt, đi đầu ứng dụng khoa học và công nghệ, nêu gương về năng suất, chất lượng, hiệu quả và chấp hành pháp luật.  
- **Kinh tế hợp tác** là hình thức kinh tế mang tính tập thể, xã hội hóa, là nhân tố quan trọng để xây dựng đất nước theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Nó giáo dục ý thức cộng đồng, tinh thần hợp tác hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên xã hội, giữa các thành phần kinh tế để sản xuất, kinh doanh đúng pháp luật.   
- Với những ưu việt như vậy, Đại hội IX của Đảng xác định: **Kinh tế tập thể** phát triển với nhiều hình thức hợp tác xã đa dạng. Nhà nước phải giúp đỡ hợp tác xã đào tạo cán bộ, ứng dụng khoa học – công nghệ, nắm bắt thông tin, mở rộng thị trường… để cùng với kinh tế nhà nước ngày càng giữ vai trò nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.  
- Đại hội IX của Đảng coi *kinh tế cá thể, tiểu chủ* có vị trí quan trọng, lâu dài. Sự phát triển kinh tế cá thể, tiểu chủ trong điều kiện nền kinh tế hàng hóa gắn với thị trường có vai trò quan trọng trước mắt cũng như lâu dài trong việc thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển.  
*-* ***Kinh tế tư bản tư nhân*** là thành phần kinh tế mà sản xuất, kinh doanh dựa trên cơ sở chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất và bóc lột lao động làm thuê.  
.- Từ Đại hội IX Đảng ta khẳng định thêm ***thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài*,** phản ánh đúng thực tế đang diễn ra trong nền kinh tế nước ta hiện nay.  
- Việc triển khai thực hiện các dự án có vốn đầu tư nước ngoài đã tạo ra một khối lượng đáng kể năng lực sản xuất, đã tiếp nhận được một số kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong một số ngành kinh tế như thông tin viễn thông, thăm dò dầu khí, sản xuất phụ tùng, lắp ráp xe máy, hóa chất, trồng trọt theo công nghệ tiên tiến, nuôi tôm nước lợ theo công nghệ mới, xây dựng khách sạn cao cấp, sản xuất một số mặt hàng tiêu dùng, thực phẩm có chất lượng cao… Đồng thời đã tiếp thu được một số phương pháp quản lý tiến bộ, một số kinh nghiệm về tổ chức sản xuất, kinh doanh.  
Đảng, Nhà nước ta đã tạo điều kiện thông thoáng nhằm khuyến khích đầu tư nước ngoài vào những mục tiêu trọng điểm và lĩnh vực ưu tiên phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, như sản xuất hàng xuất khẩu; nuôi trồng, chế biến nông – lâm – thủy sản; sử dụng công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại, bảo vệ môi trường sinh thái, đầu tư, chế biến nguyên liệu và sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; tập trung ở các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn.

***Câu 43: Đường lối công nghiệp hóa của đảng trong giai đoạn 1976-1985?***

- Đại hội IV của Đảng (tháng 12/1976), trên cơ sở phân tích toàn diện tình hình trong nước và quốc tế, đề ra đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là: “Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp trong cả nước thành một cơ cấu công - nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất”.  
- **Bắt đàu từ đại hội TW 6 khóa 6(1979)** đã có những điều chỉnh như sau:khuyến khích sản xuất nông-lâm-ngư-nghiệp,hàng tiêu dùng,hàng xuất khẩu.Chuyển trọng tâm vốn từ công nghiệp nặng sang sản xuất hàng tiêu dùng,xuất khẩu…và các lĩnh vực được ưu tiên.Chú trọng sản xuất kinh doanh,coi trọng sự hài hòa giữa 3 lợi ích:nhà nước,tập thể và người lao động.Đổi mới cơ chế quản lí kinh tế tập chunng quan liêu sang hoạch toán kinh doanh XHCN.  
**- Đại hội V của Đảng (tháng 3/1982):**  
+ Đảng đã xác định CNH phải thực hiện theo từng chặng đường, trước mắt là 81- 85 và kéo dài đến 1990   
Rút ra kết luận: từ một nền sản xuất nhỏ đi lên, điều quan trọng là phải xác định đúng bước đi của công nghiệp hóa cho phù hợp với mục tiêu và khả năng của mỗi chặng đường. Nội dung chính của công nghiệp hóa trong chặng đường trước mắt của thời kỳ quá độ là lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng; việc xây dựng và phát triển công nghiệp nặng trong giai đoạn này cần làm có mức độ, vừa sức, nhằm phục vụ thiết thực, có hiệu quả cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.  
+ Đánh giá về đường lối: Đường lối CNH trong giai đoạn 76- 85 là đường lối toàn diện, đầy đủ về các mặt kinh tế, chính trị , xa hội… Đảng đã vạch ra những chủ trương, đường lối, mục tiêu và nhiệm vụ phải thực hiện trong giai đoạn trên. Và Đảng cũng thừa nhận tồn tại nhiều thành phần kinh tế trong thời gian nhất định ở MIền Nam (Quốc Doanh, Tập thể, cá nhân, tư bản, tư doanh, hợp doanh) và Đảng đã đưa ra biện pháp để sửa chữa và khác phục những sai lầm.

***Câu 44,45,46: Trình bày chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược giải phóng dân tộc của Đảng được thể hiện trong 3 nghị quyết BCH trung ương tháng 11/1939-11/1940- 5/1941:***

***Phân tích mối quan hệ chống đế quốc và chống phong kiến?***

***Phân tích chủ trương giải quyết vẫn đề dân tộc và thành lập Mặt trận ở 3 nước đông dương?***

\*Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược được thể hiện qua 3 nghị quyết ban chấp hành trung ương:

+HỘi nghị Trung ương lần thứ 6 (11-1939)

+HỘi nghị Trung ương lần thứ 7 (11-1940)

+HỘi nghị Trung ương lần thứ 8 (5-1941)- quan trọng nhất

Trên cơ sở nhận định khả năng diễn biến của Chiến tranh thế giới lần thứ hai và căn cứ vào tình hình cụ thể ở trong nước, BCH Trung ương đã quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược như sau:

-Tính chất cách mạng và kẻ thù cách mạng : khẳng định cách mạng ĐôgnDương không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền mang tính chất phản đế mà giai phóng dân tộc . Vì vậy vấn đề giai phóng dân tộc được đặt lên hàng đầu.

Tạm gác khẩu hiệu “đánh đổ đại chủ, chia ruộng đất cho dân cày” thay bằng khẩu hiệu “tịch thu ruộng đất của đế quốc và việt gian chia cho dân cày nghèo ” chia lại ruộng đất cho công bằng, giảm tô, giảm tức.

-Xác định mối quan hệ của 2 nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến : hội nghị khẳng định nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

-Giải quyết vấn đề dân tộc, thành lập mặt trận ở từng nươc sĐông Dương : Giải quyết vấn đề dân tộc trên từng nước Đông Dương trên cơ sở tôn trọng quyền tự quyết . Ở VN, Trung ường Đảng quyết định thành lập MẶt trận VN độc lập đồng minh (Việt Minh) thu hút mọi người dân yêu nước không phân biệt thành phần, lứa tuổi , đoàn kết bên nahu cứu Tổ quốc, cứu giống nòi.

-Quyết định phải xúc tiến ngay công tác khởi nghĩa vũ trang, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của đảng trong giai đoạn hiện tại. Để khởi nghĩa vũ trang đi đến thắng lợi cần phải phát triển lực lượng cách mạng, tiến hành xây dựng căn cứ địa cách mạng.

-Vấn đề xây dựng đảng và đào tạo cán bộ: Hội nghị cũng chú trọng công tác đào tạo cacns bộ, nâng cao năng lực tổ chức và lãnh đạo của đảng, đẩy mạnh công tác vận động quần chúng.

***\*Phân tích mối quan hệ chống đế quốc và chống phong kiến?***

-Dưới thời Pháp thuộc xã hội VN có hai mâu thuẫn cơ bản: Mâu thuẫn giữa dân tộc ta với chủ nghĩa đế quốc và mâu thuẫn giữa dân tộc ta với giai cấp địa chủ phong kiến.

-Đảng nhận định nước ta là nước nông nghiệp chiếm hơn 90% số dân, chủ nghĩa đế quốc dựa vào chế độ phong kiến chủ yếu để bóc lột nhân dân.

-Nguyện vọng tha thiết và trực tiếp của nhân dân là độc lập dân tộc, người cày có ruộng từ đó chỉ ra con đường cách mạng VN là tư sản dân quyền, cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cách mạng bằng bạo lực cách mạng đánh đuổi đế quốc Pháp và xóa bỏ chế độ phong kiến VN đến cách mạng XHCN, bỏ qua tư bản chủ nghĩa.

-Đảng xác định nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến không thể tách rời nhau. Nhưng nhiệm vụ chống đế quốc là quan trọng nhất. Nhiệm vụ chonngs phong kiến phải phục tùng nhiệm vụ choogns đế quốc và phải thực hiện từng bước với những khẩu hiệu cụ thể như: giảm tô, giảm tức, chia ruộng đất của bọn phản quốc cho dân cày nghèo tiến đến cải cách ruộng đất.

-Giải phóng dân tộc là nhiệm vụ cốt lõi của cương lĩnh chính trị.

-Mâu thuẫn chủ yếu ở thuộc địa là mâu thuẫn dân tộc quy định tính chất và nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng là giải phóng dân tộc.

-Giải phóng dân tộc khỏi ahcs thống trị của chủ nghĩa thực dân là điều kiện giải phóng giai cấp .Vì thế lợi ích của giai cấp phải phục tùng lợi ích dân tộc.

-Giai cấp nông dân là bộ phận có số lượng lớn nhất trong dân tộc, nên giải phóng dân tộc chủ yếu là giải phóng nông dân.

-Nông dân có nhu cầu về ruộng đất , nhưng nhiệm vụ ruộng đất cần tiến hành thích hợp. Khi đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, yêu cầu đó được đáp ứng một phần, vì ruộng đất của bọn đế quốc và bọn tay sia sẽ thuộc về tay nhân dân. Đế quốc và tay sai là kẻ thù số một của nông dân, lật đổ chế độ thuộc địa là nguyện vọng của nhân dân.

***\*Phân tích chủ trương giải quyết vẫn đề dân tộc và thành lập Mặt trận ở 3 nước đông dương?***

Hội nghị trung ương 8(5-1941) chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong từng nước đông dương trên cơ sở tôn trọng quyền dân tộc tự quyết nhằm phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc của mỗi nước, đồng thời 3 nước phải dựa vào nhau, giúp đỡ giành thắng lợi=> theo sáng kiến của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị quyết định thành lập mặt trận VN độc lập đồng minh (Viêt Minh) , các tổ chức quần chúng đều lấy tên là hội cứu quốc như Mặt trận Việt Minh có nhiệm vụ đoàn kết các lực lượng yêu nước , không phan biệt giàu nghèo, nam nữ, địa vị trong xã hội vì độc lập dân tộc dưới sự lãnh đạo của đảng.

\***Phân tích chủ trương lựa chọn hình thức, phương hướng tiến hành đấu tranh giải phóng dân tộc:**+Sử dụng bạo lực cách mạng , sức mạng quần chúng: Hội nghị 6-7 nhấm mạnh vấn đề khởi nghĩa vũ trang quá trình chính quyền , coi đây là nội dung trung tâm từ đó đề ra nhiệm vụ phải khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Hội nghị 8 tán thành và khẳng định cách mạng đông dương kết thúc bằng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

+Đi từ khởi nghĩa từng phần lên tổng khởi nghĩa : Hội nghị 8 xác định phương châm: lãnh đạo cuộ khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương giành thắng lợi , mở đường cho cuộc tổng khởi nghĩa to lớn.

+ Các điều kiện khởi nghĩa vũ trang: Hội nghị 8 xác định xúc tiến khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm.

***Câu 47, 48: Trình bày kết quả chỉ đạo thực hiện chủ trương của Đảngvề bảo vệ thành quả cách mạng Tháng 8 , xây dựng và giữ vững chính quyền cách mạnggiai đoạn 1945-1946?***

***Phân tích nội dung xây dựng và phát triển kinnh tế - xã hội?***

***Phân tích kết quả về xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng?***

- Kết quả: cuộc đấu tranh thực hiện chủ trươngkháng chiến kiến quốc của Đảng giai đoạn 1945 - 1946 đã diễn ra rất gay go, quyếtliệt trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao và đãgiành được những kết quả hết sức quan trọng.  
- **Về chính trị - xã hội:** đã xây dựng được nền móngcho một chế độ xã hội mới - chế độ dân chủ nhân dân với đầy đủ các yếu tố cầnthiết. Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp được thành lập thông qua phổ thông bầucử. Hiến pháp dân chủ nhân dân được Quốc hội thông qua và ban hành. Bộ máychính quyền từ Trung ương đến làng xã và các cơ quan tư pháp, tòa án, các côngcụ chuyên chính như Vệ quốc đoàn, Công an nhân dân được thiết lập và tăng cường.Các đoàn thể nhân dân như Mặt trận Việt Minh, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam,Tổng Công đoàn Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam được xây dựng và mở rộng.Các đảng phái chính trị như Đảng Dân chủ Việt Nam, Đảng Xã hội Việt Nam đượcthành lập.  
- **Về kinh tế, văn hóa**: đã phát động phong tràotăng gia sản xuất, cứu đói, xóa bỏ các thứ thuế vô lý của chế độ cũ, ra sắc lệnhgiảm tô 25%, xây dựng ngân quỹ quốc gia. Các lĩnh vực sản xuất được phục hồi.Cuối năm 1945, nạn đói cơ bản được đẩy lùi, năm 1946 đời sống nhân dân được ổnđịnh và có cải thiện. Tháng 11/1946, giấy bạc “Cụ Hồ” được phát hành. Đã mở lạicác trường lớp và tổ chức khai giảng năm học mới. Cuộc vận động toàn dân xây dựngnền văn hóa mới đã bước đầu xóa bỏ được nhiều tệ nạn xã hội và tập tục lạc hậu.Phong trào diệt dốt, bình dân học vụ được thực hiện sôi nổi. Cuối 1946 cả nướcđã có thêm 2,5 triệu người biết đọc, biết viết.

***\*Phân tích kết quả về xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng?***

**Về bảo vệ chính quyền cách mạng**: ngay từ khi thựcdân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn và mở rộng phạm vi chiếm đóng ra các tỉnhNam bộ, Đảng đã kịp thời lãnh đạo nhân dân Nam bộ đứng lên kháng chiến và phátđộng phong trào Nam tiến chi viện Nam bộ, ngăn không cho quân Pháp đánh raTrung bộ. Ở miền Bắc, bằng chủ trương lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù, Đảng,Chính phủ ta đã thực hiện sách lược nhân nhượng với quân đội Tưởng và tay sai củachúng để giữ vững chính quyền, tập trung lực lượng chống Pháp ở miền Nam.  
\* Ý nghĩa:  
- Những thành quả đấu tranh nói trên đã bảo vệ đượcnền độc lập của đất nước, giữ vững chính quyền cách mạng; xây dựng được những nềnmóng đầu tiên và cơ bản cho một chế độ mới, chế độ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa;chuẩn bị được những điều kiện cần thiết, trực tiếp cho cuộc kháng chiến toàn quốcsau đó.  
\* Bài học kinh nghiệm  
- Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, dựa vàodân để xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng. Triệt để lợi dụng mâu thuẫntrong nội bộ kẻ thù, chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chính, coi sự nhân nhượng cónguyên tắc với kẻ địch cũng là một biện pháp đấu tranh cách mạng cần thiếttrong hoàn cảnh cụ thể. Tận dụng khả năng hòa hoãn để xây dựng lực lượng, củngcố chính quyền nhân dân, đồng thời đề cao cảnh giác, sẵn sàng ứng phó với khảnăng chiến tranh lan ra cả nước khi kẻ địch bội ước.

***Câu 49: Sách lược lợi dung mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù và sự hòa hoàn có nguyên tắc để giữ vững chính quyền giai đoạn 1945-1946?***

+ Ở miền Bắc (từ vĩ tuyến 16 Đà Nẵng trở ra): Gần 20 vạn quân Tưởng lũ lượt vào miền Bắc. Sau lưng chúng là bọn Việt Quốc, Việt Cách với âm mưu thủ tiêu chính quyền cách mạng, đưa bọn tay sai lập chính quyền bù nhìn và thực hiện chính sách cứơp bóc nhân dân Việt Nam.  
+ Ở Miền Nam (từ vĩ tuyến 16 trở vào): Trên một vạn quân Anh cũng mượn tiếng là vào tước vũ khí của Nhật, nhưng kỳ thực là chúng mở đường cho thực dân Pháp cướp lại nước ta. Ngày 23/9/1945 dưới sự yểm trở của 2 sư đoàn thiết giáp Anh, Pháp đã nổ súng tấn công Sài Gòn, chính thức xâm lược nước ta lần thứ 2.  
Trên đất nước ta lúc này còn có khoảng 6 vạn quân Nhật đang chờ lệnh giải giáp nhưng một số quân Nhật đã thực hiện lệnh của quân Anh, cầm súng với quân Anh, dọn đường cho quân Pháp mở rộng vùng chiếm đóng ở miền Nam. Chưa bao giờ, cùng một lúc cách mạng Việt Nam phải đối phó với nhiều kẻ thù như thời điểm này. Chúng có thể mâu thuẫn với nhau về lợi ích kinh tế nhưng đều thống nhất với nhau trong âm mưu chống cộng sản, thủ tiêu chính quyền cách mạng, xoá bỏ thành quả mà cuộc CMT8 vừa giành được.  
**b. Chủ trương của Đảng ta**  
- Tình hình khó khăn trên đặt ra trước mắt Đảng và nhân dân ta những nhiệm vụ nặng nề và cấp bách. Chúng ta vừa phải xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng ở các cấp, vừa phải khôi phục kinh tế, giải quyết nạn đói, nạn thất học, vừa phải đấu tranh với các thế lực thù địch để bảo vệ chính quyền cách mạng và khẳng định vị thế của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.  
- Ngày 25/11/1945 Ban chấp hành trung ương Đảng ra chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" vạch ra con đường đi lên cho cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.  
+ Về chỉ đạo chiến lược: Đảng xác định mục tiêu của cách mạng Việt Nam lúc này vẫn là dân tộc giải phóng, khẩu hiệu lúc này là "Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết", nhưng không phải là giành độc lập mà là giữ vững độc lập.  
+ Về xác định kẻ thù: Phân tích âm mưu của các đế quốc đối với Đông Dương, Ban chấp hành trung ương nêu rõ: Kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng. Vì vậy phải lập mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược; mở rộng mặt trận Việt Minh nhằm thu hút mọi tầng lớp nhân dân, thống nhất mặt trận Việt - Minh - Lào chống Pháp xâm lược; kiên quyết giành độc lập tự do - hạnh phúc dân tộc vv.......  
+ Về phương hướng nhiệm vụ: Đảng nêu lên bốn nhiệm vụ chủ yếu và cấp bách cần khẩn trương thực hiện là:  
1. Củng cố chính quyền cách mạng.  
2. Chống thực dân Pháp xâm lược.  
3. Bài trừ nội phản.  
4. Cải thiện đời sống nhân dân.  
+ Những biện pháp cụ thể để thực hiện những nhiệm vụ trên: Xúc tiến bầu cử Quốc hội, thành lập chính phủ chính thức, lập hiến pháp, củng cố chính quyền nhân dân; động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài; kiên trì nguyên tắc thêm bạn bớt thù, thực hiện khẩu hiệu "Hoa - Việt thân thiện" đối với quân đội Tưởng Giới Thạch và "Độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế" đối với Pháp.  
- Về bảo vệ chính quyền cách mạng: ngay từ khi thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn và mở rộng phạm vi chiếm đóng ra các tỉnh Nam bộ, Đảng đã kịp thời lãnh đạo nhân dân Nam bộ đứng lên kháng chiến và phát động phong trào Nam tiến chi viện Nam bộ, ngăn không cho quân Pháp đánh ra Trung bộ. Ở miền Bắc, bằng chủ trương lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù, Đảng, Chính phủ ta đã thực hiện sách lược nhân nhượng với quân đội Tưởng và tay sai của chúng để giữ vững chính quyền, tập trung lực lượng chống Pháp ở miền Nam. Khi Pháp- Tưởng ký hiệp ước Trùng Khánh (28/2/1946 ) , thỏa thuận mua bán quyền lợi với nhau, cho pháp kéo quân ra miền Bắc, Đảng lại mau lẹ chỉ đạo chọn giải pháp hòa hoãn, dàn xếp vứi Pháp để buộc quân Tưởng phải rút về nước. hiệp định sơ bộ 6/3/1946, cuộc đàm phán ở Đà Lạt, tạm ước 14/9/1946 đã tạo điều kiện cho quân dân có thêm thời gian để chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới.  
Tóm lại: Những chủ trương trên đây của Ban chấp hành trung ương Đảng được nêu trong bản chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" ra ngày 25/11/1945 đã giải quyết kịp thời những vấn đề quan trọng về chỉ đạo chiến lược và sách lược cách mạng trong tình thế mới vô cùng phức tạp và khó khăn của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà vừa mới khai sinh.  
Kháng chiến và kiến quốc là tư tưởng chiến lược của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc, quyết tâm đẩy mạnh kháng chiến chống thực dân Pháp, bảo vệ và xây dựng chế độ mới.

***Câu 50 :phân tích Đường lối công nghiệp hóa của đảng trong giai đoạn 1976-1985?***

- Đại hội IV của Đảng (tháng 12/1976), trên cơ sở phân tích toàn diện tình hình trong nước và quốc tế, đề ra đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là: “Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp trong cả nước thành một cơ cấu công - nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất”.  
- **Bắt đàu từ đại hội TW 6 khóa 6(1979) đã có những điều chỉnh như sau**:khuyến khích sản xuất nông-lâm-ngư-nghiệp,hàng tiêu dùng,hàng xuất khẩu.Chuyển trọng tâm vốn từ công nghiệp nặng sang sản xuất hàng tiêu dùng,xuất khẩu…và các lĩnh vực được ưu tiên.Chú trọng sản xuất kinh doanh,coi trọng sự hài hòa giữa 3 lợi ích:nhà nước,tập thể và người lao động.Đổi mới cơ chế quản lí kinh tế tập chunng quan liêu sang hoạch toán kinh doanh XHCN.  
**- Đại hội V của Đảng (tháng 3/1982):**  
+ Đảng đã xác định CNH phải thực hiện theo từng chặng đường, trước mắt là 81- 85 và kéo dài đến 1990   
Rút ra kết luận: từ một nền sản xuất nhỏ đi lên, điều quan trọng là phải xác định đúng bước đi của công nghiệp hóa cho phù hợp với mục tiêu và khả năng của mỗi chặng đường. Nội dung chính của công nghiệp hóa trong chặng đường trước mắt của thời kỳ quá độ là lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng; việc xây dựng và phát triển công nghiệp nặng trong giai đoạn này cần làm có mức độ, vừa sức, nhằm phục vụ thiết thực, có hiệu quả cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.  
+ Đánh giá về đường lối: Đường lối CNH trong giai đoạn 76- 85 là đường lối toàn diện, đầy đủ về các mặt kinh tế, chính trị , xa hội… Đảng đã vạch ra những chủ trương, đường lối, mục tiêu và nhiệm vụ phải thực hiện trong giai đoạn trên. Và Đảng cũng thừa nhận tồn tại nhiều thành phần kinh tế trong thời gian nhất định ở MIền Nam (Quốc Doanh, Tập thể, cá nhân, tư bản, tư doanh, hợp doanh) và Đảng đã đưa ra biện pháp để sửa chữa và khác phục những sai lầm.

.***Câu 51: Chủ trương của Đảng về xây dựng phát triền văn hóa trong thời kỳ đổi mới đất nước?***

Sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã đi qua chặng đường gần 25 năm và thu được những kết quả to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Cùng với những thành tựu quan trọng về kinh tế, an ninh - quốc phòng, đối ngoại, vấn đề phát triển văn hoá- xã hội và xây dựng con người luôn luôn được Đảng coi trọng  
**\* Về chủ trương, đường lối**  
- Trực tiếp lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đất nước từ năm 1986, những nhận thức mới của Đảng về văn hoá có bước chuyển quan trọng. Nền văn hóa mà Đảng xác định phải xây dựng là nền văn hóa *tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* với đặc trưng dân tộc, hiện đại, nhân văn. Một hệ thống lý luận văn hoá được hợp thành với lý luận chung trong quá trình đổi mới tư duy của toàn xã hội.  
- Tháng 11 năm 1987, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 5 về Văn hóa- Văn nghệ trong cơ chế thị trường; Nghị quyết của Bộ Chính trị và các kết luận về văn hóa, văn nghệ (tháng 11 năm 1988); tháng 8 năm 1989, Ban Bí thư Trung ương ra Chỉ thị số 52- CT/TW về đổi mới và nâng cao chất lượng phê bình Văn học- Nghệ thuật; tháng 6 năm 1990, Ban Bí thư Trung ương ra Chỉ thị số 61- CT/TW về công tác quản lý văn học- nghệ thuật; tháng 1 năm 1993, BCHTW ra Nghị quyết Trung ương 4 về một số nhiệm vụ văn hóa- văn nghệ những năm trước mắt; tháng 7 năm 1998, Hội nghị Trung ương 5 khoá VIII ra Nghị quyết về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Toàn bộ tinh thần của Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã làm sáng lên bức tranh của nền văn hoá đất nước trong tương lai. Đó là nền văn hoá với vai trò là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực thúc đẩy kinh tế- xã hội phát triển, gắn với sự nghiệp CNH- HĐH đất nước, gắn với những vấn đề nảy sinh trong xu thế toàn cầu hoá và nền kinh tế thị trường. Đối với công tác lãnh đạo văn hoá, Nghị quyết khẳng định: *Để đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng về văn hoá, phải xây dựng văn hoá từ trong Đảng, trong bộ máy Nhà nước như Bác Hồ đã dạy “Đảng ta là đạo đức, là văn minh”*. Đây là vấn đề cực kỳ quan trọng, cơ bản và chiến lược không chỉ đối với công tác lãnh đạo mà cả công tác quản lý văn hoá, với mỗi cán bộ, đảng viên.  
- Có thể nói Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) đã thể hiện sự phát triển cả nhận thức và tư duy lý luận về văn hoá, lãnh đạo văn hoá của Đảng. Đó cũng chính là kết tinh của sự kế thừa và phát triển Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, về xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hoá, về phương pháp lãnh đạo văn hoá, quản lý văn hoá; là sản phẩm từ tổng kết lý luận và thực tiễn trong quá trình hơn 70 năm lãnh đạo cách mạng, lãnh đạo văn hoá của Đảng./.  
- Nhà nước thực hiện chức năng quản lý về văn hoá thông qua việc thể chế hoá các chủ trương, chính sách của Đảng bằng luật pháp, pháp lệnh, nghị định, quy định, các chính sách văn hoá... Thông qua các chương trình hành động, phong trào thi đua yêu nước, qua hệ thống các thiết chế văn hoá để vận động quần chúng nhân dân thực hiện; biến chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng thành lực lượng vật chất, thành phong trào cách mạng; tạo ra những kết quả cụ thể nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần cho nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội, trực tiếp xây dựng nền tảng tinh thần cho xã hội.  
- Đến Đại hội IX, những tư tưởng chủ yếu của Đảng về phát triển văn hoá được thể hiện trên cơ sở thực tiễn thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII), Nghị quyết Đại hội IX tiếp tục nhấn mạnh vị trí của văn hoá trong lịch sử phát triển của dân tộc ta; khẳng định sức sống lâu bền của những quan điểm, tư tưởng nêu trong Nghị quyết Trung ương V (khóa VIII) trong đời sống xã hội, trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; về ý nghĩa *“văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội”*, Nghị quyết nhấn mạnh đó là tầm cao, chiều sâu của sự phát triển của dân tộc, khẳng định và làm rõ vị trí của văn hoá trong đời sống dân tộc, trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hội nghị Trung ương 10 (khoá IX) kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) và ra kết luận tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hoá làm nền tảng tinh thần xã hội, gắn kết và đồng bộ với phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt.  
- Đại hội X, Đảng xác định tiếp tục phát triển sâu rộng, nâng cao chất lượng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Gắn kết chặt chẽ hơn với phát triển kinh tế xã hội; Làm cho văn hoá thấm sâu và mọi lĩnh vực đời sống xã hội; Xây dựng và hoàn thiện giá trị, nhân cách con người Việt Nam; Bảo vệ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế; Bồi dưỡng các giá trị văn hoá trong thanh niên, sinh viên, học sinh, đặc biệt là lý tưởng sống, lối sống, năng lực trí tuệ, đạo đức và bản lĩnh văn hoá Việt Nam; Đầu tư cho việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng, kháng chiến, di sản văn hoá vật thể, phi vật thể; Kết hợp hài hoà giữa bảo tồn, phát huy với kế thừa và phát triển, giữ gìn di tích với phát triển kinh tế du lịch. tinh thần tự nguyện, tính tự quản của nhân dân trong xây dựng văn hoá; Đa dạng hoá các hoạt động của phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”. 

- Để thực hiện được yêu cầu trên, trong xây dựng chính sách, tổ chức thực hiện cần phải phát huy tính năng động, chủ động của các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể nhân dân, các hội văn học nghệ thuật, khoa học, trí thức, báo chí, của các cá nhân; Xây dựng và phát triển chương trình giáo dục văn hoá, thẩm mỹ, nếp sống văn hoá hiện đại trong nhân dân; Phát huy tiềm năng, khuyến khích sáng tạo văn học, nghệ thuật, tạo ra những tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật; Đồng thời tăng cường quản lý nhà nước về văn hoá; Xây dựng cơ chế chính sách, chế tài ổn định; Tăng cường mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hoá; Chống sự xâm nhập văn hoá độc hại, lai căng, phản động; Xây dựng, nâng cấp đồng bộ hệ thống thiết chế văn hoá; Tạo điều kiện cho các lĩnh vực xuất bản, thông tin đại chúng phát triển; Nâng cao chất lượng tư tưởng văn hoá, hiện đại về mô hình, cơ cấu, cơ sở vật chất kỹ thuật; Xây dựng cơ chế quản lý khoa học, phù hợp; Đi đôi với phát huy trách nhiệm công dân của văn nghệ sỹ; Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, cơ cấu tổ chức của các hội văn học- nghệ thuật từ trung ương đến địa phương.  
- Cũng trong nhiệm kỳ Đại hội X, đối với văn hóa, văn học nghệ thuật, Đảng đã dành sự quan tâm cho một số lĩnh vực tinh túy và nhạy cảm thường xuyên tác động đến đời sống tinh thần của xã hội. Đó là hai kết luận quan trọng của Ban Bí thư (số 83 ngày 27/6/2008), Bộ Chính trị (số 51 ngày 22/7/2009) chỉ đạo việc tiến hành tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 27 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về *“Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội”*; tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện chỉ thị này. Nghị quyết số 23- NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị *“Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học- nghệ thuật trong thời kỳ mới”*. Theo đó sẽ có các đề án của các ban, bộ, ngành phối hợp triển khai nhằm đưa các quan điểm chỉ đạo, những chủ trương và giải pháp của Đảng về văn học, nghệ thuật thành hiện thực phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân.  
\* Ý nghĩa:   
- CHủ trương của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa co ý nghĩa, vai trò to lớn và có tính phát huy. Mặc dù có tiếp thu những văn hóa của nước ngoài, nhưng có chọn lọc những tiến bộ, mặt tốt đẹp trên cơ sở bảo tồn những tinh hóa văn hóa dân tộc. Giữ được bản chất văn hóa mà cha ông ta để lại.

**Câu 52.Phân tích nhiệm vụ của đảng về xây dựng, phát triển văn hóa trong thời kỳ đổi mới đất nước?**

1-Xây dựng con người VN phát triển toàn diện trong giai đoạn cách mạng mới với những đức tính sau:

-Có tinh thần yêu nước , tự cường dân tộc , phấn đấu vì độc lập dân tộc và CNXH, có chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc laahp dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

-Có ý thức tập thể, đoan kết, phấn đấu vì lợi ích chung.

-Có lối sống lành mạnh, nếp sonngs văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

-Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp , có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình , tập thể và xã hội.

-Thường xuyên học tập , nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình đô thẩm mỹ và thể lực.

2-Xây dựng môi trường văn hóa

Tạo ra ở các đơn vị cơ sở (gia đình, làng, bản ,xã, phường,khu tập thể, cơ quan , xí nghiệp, nông trường, lâm trường, trường học, đơn vị bộ đội,...., các vùng dân cư(đô thị, nông thôn, miền núi,...) đời sống văn minh lành mạnh, đáp ứng những yêu cầu văn hóa đa dạng và không nghừng tăng lên của các tầng lớp nhân dân.

Giữ gìn và phát huy những đạo lý tốt đẹp của gia đình VN. Nêu cao vai trò gương mẫu của các bậc cha mẹ. Coi trọng xây dựng gia đình. Xây dựng mối quan hệ khăng khít giữa gia đình , nhà trường và xã hội.

Đẩy mạnh phong trào xây dựng làng , ấp, xã, phường văn hóa, nâng cao tính tự quản của cộng đồng dân cư trong công cuộc xây dựng nếp sống văn minh.

Thu hẹp dần khoảng cách đời sống văn hóa giữa các trung tâm đô thị và nông thôn , giữa những vùng kinh tế phát triển với các vùng sâu, vùng xa, vùng núi, bien giới, hải đảo, giữa các tầng lớp nhân dân.

Phát triển và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa ở cơ sở; đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa trọng điểm tầm quốc gia. Tăng cường hoạt động của các tổ chức văn hóa, nghệ thuật chuyên nghiệp, phát triển phong trào quần chúng hoạt động văn hóa, nghệ thuật.

3-Phát triển sự nghiệp văn hóa, nghệ thuật

Phấn đấu sáng tạo nhiều tác phẩm văn hóa, nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao , thấm nhuần tình thần nhân văn,dân chủ , có tác dụng sâu sắc xây dựng con người.

Khuyến khích tìm tòi, thể nghiệm mọi phương pháp , mọi phong cách sáng tác vì mục đích đáp ứng đời sống tinh thần lành mạnh, bổ ích cho công chúng. Bài trừ các khuynh hướng sáng tác suy đồi, phi nhân tính.

Hướng văn nghệ nước ta phản ánh hiện thực sinh động , chân thật và sâu sắc sự nghiệp của nhân dân trong cách mạng và kháng chiến , trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc cũng như tái hiện lịch sử kiên cường, bất khuất của dân tộc. Đặc biệt khuyến khích các tác phẩm về công cuộc đổi mới thể hiện nổi bật những nhân tố tích cực trong xã hội, những nhân vật tiêu biểu của thời đại. Cổ vũ cái đúng, cái tốt, cái đẹp trong quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, với thiên nhiên phê phán những thói hư tật xấu , lên án cái ác, cái thấp hèn. Sáng tạo nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật cho thiếu niên, nhi đồng với hình thức, nội dung thích hợp; nghiêm cấm xuất bản loại sách kích thích bao lực ở trẻ em.

Phát huy vai trò thẩm định tác phẩm , hướng dẫn dư luận xã hội phê bình văn học , nghệ thuật. Bảo đảm tự do sáng tác đi đôi với nêu cao trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội của nghệ sĩ, các nhà văn hóa. Nâng cao chất lượng, phát huy tác dụng của nghiên cứu, lý luận.

Tiếp tục đấu tranh chống các khuynh hướng trái với đường lối văn nghệ của đảng.

Không ngừng nâng cao thị hiếu thẩm mỹ và trình độ thưởng thức nghệ thuật của công chúng đặc biệt quan tâm tầng lớp thanh niên, thiếu niên, nhi đồng. Tạo điều kiện để nhân dân tham gia tích cực sáng tạo và phê bình, được hưởng thụ ngày càng nhiều tác phẩm văn nghệ có giá trị trong nước và ngoài nước.

Chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần, tạo điều kiện làm việc thuận lợi cho văn nghệ sĩ. Chú trọng bồi dưỡng, đào tạo lớp văn nghệ sĩ trẻ. Làm tốt công tác bảo vệ bản quyền tác giả.

Liên hiệp văn học, nghệ thuật VN (bao gồm các hội sáng tạo văn học, nghệ thuật ở trung ương) và các hội văn nghệ ở các tình, thành phố là những tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp do đảng lãnh đạo có bộ máy chuyên trách gọn nhẹ , có sự tài trợ của nhà nước về kinh phí.

4-Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa

Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bẳn sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa . Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa CM, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể.

Nghiên cứu và giáo dục sâu rộng những đạo lý dân tộc tốt đẹp do cha ông để lại.

5-Phát triển sự nghiệp giáo dục-đào tạo và khoa học –công nghệ

Đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ. Coi trọng giáo dục đạo lý làm người , ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ công dân, lòng yêu nước , yêu CNXH, đạo đức, lối sống, nếp sống văn hóa, lịch sử dân tộc và bản sắc dân tộc, ý chí vươn lên vì tương lại của mỗi người và tiền dồ của đất nước , bồi dưỡng ý thức và năng lực phát huy giá trị văn hóa dân tộc , tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Bỗi dưỡng, xây dựng đội ngũ giảng viên và tu chỉnh hệ thống sách giáo khoa, nâng cao chát lượng giảng dạy các bộ môn ngữ văn, lịch sử, chính trị , pháp luật, đạo đức; giảng dạy nhạc và họa ở các trường phổ thông.

Hoạt động khoa học xã hội- nhân văn , khoa học tự nhiên và công nghệ phải góp phần đắc lực giải quyết các vấn đề đặt ra trên lĩnh vực văn hóa, thông tin, văn hóa, nghệ thuật.

6-Phát triển và quản lý tốt các phương tiện thông tin đại chúng

Củng cố , xây dựng, phát triển, từng bước hiện đại hóa hệ thống thông tin đại chúng.

Sắp xếp lại và quy hoạch hợp lý hệ thống truyên hình, phát thanh, thông tấn, báo chí , xuất bản, thông tin mạng nhằm tăng hiệu quả thông tin, tránh lãng phí; phối hợp hoạt động của các loại hình thông tin ,báo chí, giữa thông tin, báo chí với các lĩnh vực văn hóa – nghệ thuật.

Xây dựng và từng bước thực hiện chiến lược truyền thông quốc gia phù hợp đặc điểm nước ta và xu thế phát triển thông tin đại chúng của thế giới.

Đẩy mạnh thông tin đối ngoài . Tận dụng thành tựu của mạng Internet để giới thiệu công cuộc đổi mới và văn hóa VN với thế giới, đồng thời có biện pháp hiệu quả ngăn chặn , hạn chế tác dụng tiêu cực qua mạng internet cũng như qua các phương tiện thông tin khác.

Không ngừng nâng cao trình độ chính trị và nghề nghiệp, chất lượng tư tưởng, văn hóa của hệ thống truyền thông đại chúng. Khắc phcuj xu hướng thương mại hóa trong hoạt động báo chí , xuất bản.

Chăm lo đặc biệt về định hướng chính trị , tư tưởng, văn hóa, cũng như về kỹ thuật hiện đại đối với truyền hình là loại hình báo chí có ưu thế lớn, có sức thu hút công chúng đông đảo.

7-Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của các dân tộc trong cộng đồng dân tộc VN

Coi trọng và bảo tồn, phát huy những giá trị truyền thống và xây dựng, phát triển những giá trị mới về văn hóa, văn học , nghệ thuật của các dân tộc thiểu số.

Bảo tồn và phát triển ngôn ngữ , chữ viết của các dân tộc. Đi đôi với việc sử dụng ngôn ngữ,chữ viết phổ thông, khuyến khích thế hệ trẻ thuộc đồng bào các dân tộc thiểu số học tập, hiểu biết và tận dụng thành thạo, tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình. Phát hiện, bồi dưỡng, tổ chức lực lượng sáng tác, sưu tầm , nghiên cứu văn hóa, văn học nghệ thuật là người dân tộc thiểu số.

Ưu tiên tài trợ cho các tác giả dân tộc thiểu số có tài năng sáng tạo các tác phẩm về đề tài dân tộc và miền núi . Đào tạo đội ngũ trí thức thuộc đồng bào các dân tộc thiểu số và tạo điều kiện để trí thức ,cán bộ dân tộc thiểu số trở về phục vụ quê hương . Phat huy tài năng các nghệ nhân.

Đầu tư và tổ chức điều tra , sưu tầm, nghiên cứu , phổ biến các giá trị văn hóa, văn học , nghệ thuật các dân tộc thiểu số.

Xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa , mở rộng mạng lưới thông tin ở vùng dân tộc thiểu số.

Thực hiện tốt chính sách phát triển kinh tế xã hội ở vùng dân tộc thiểu số, sớm giảm tỉ lệ hộ đói nghèo , ổn định và cải thiện đời sống, xóa mù chữ, nâng cao dân trí, xóa bỏ hủ tục.

8-Chính sách văn hóa đối với tôn giáo

Tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của dân , bảo đảm cho các tôn giáo hoạt động bình thường trên cơ sở tôn trọng pháp luật, nghiêm cấm xâm phạm tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng. Thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc.

Khuyến khích ý tưởng công bằng , bác ái, hướng thiện ... trong tôn giáo , đồng thời tuyên truyền giáo dục khắc phục tệ mê tín dị đoan; chống việc lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng thực hiện ý đồ chính trị xấu

Chăm lo phát triển kinh tế - xã hội; giúp đỡ đồng bào theo đạo cóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe, xây dựng môi trường văn hóa, thực hiện tốt rách nhiệm công dân đối với tổ quốc.

9-Mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa

Làm tốt việc giới thiệu văn hóa, đất nước và con người VN với thế giới; tiếp thu có chọn lọc các giá trị nhân văn, khoa học tiến bộ của nước ngoài. Phổ biến những kinh nghiệm tốt xây dựng và phát triển văn hóa của các nước. Ngăn ngừa sự xâm nhập các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy.

Giúp cộng đồng người VN ở nước ngoài hiểu biết tình hình nước nhà, thu nhận thông tin và sản phẩm văn hóa từ trong nước ra, nêu cao lòng yêu nước, tự tôn dân tộc, giữ gìn truyền thống , bản sắc dân tộc, phát huy trí tuệ, tài năng sáng tạo, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

9-Xây dựng , hoàn thiện thể chế và chính sách phát triển văn hóa

-Củng cố, hoàn thiện thể chế văn hóa đảm bảo tăng cường sự lãnh đạo của Đảng , sự quản lý có hiệu quả của nhà nước , vai trò làm chủ của nhân dân và lực lượng những người hoạt động văn hóa, tạo nhiều sản phẩm và sinh hoạt văn háo phong phú, đa dạng , theo định hướng XHCN.

-Nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa, sắp xếp hợp lý các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp và kinh doanh, nâng cấp các đơn vị văn hóa, nghệ thuật trọng điểm , tạo chất lượng mới cho toàn ngành.

-Thực hiện khẩu hiệu “Nhà nước và nhân dân cùng làm văn hóa”, hình thành các hình thức sáng tạo và tham gia hoạt động văn hóa của các tập thể , ca nhân trong khuôn khổ luật pháp và chính sách. Khuyến khích các hình thức bảo trợ văn hóa.

-Xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở

-Hoàn chỉnh các văn bản luật pháp về văn hóa, nghệ thuật, thông tin trong điều kiện của cơ chế thị trường, ban hành các chính sách khuyến khích sáng tạo văn hóa và nâng mức đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

***Câu 53: Đặc điểm, hình thức hoạt động và ưu điểm, hạn chế của việcthực hiện cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp đối với nền kinh tếtrước đổi mới?***

•Đặc trưng chủ yếu của công nghiệp hóa thời kỳtrước đổi mới:  
ð Nhìn chung trong thời kì 1960-1985,chúng ta đãnhận thức và tiến hành công nghiệp hóa theo kiểu cũ với các đặc trưng:  
- Công nghiệp hóa theo mô hình nền kinh tế khépkín, hướng nội và thiên về phát triển công nghiệp nặng.  
- Công nghiệp hóa chủ yếu dựa vào lợi thế về lao động, tài nguyên, đất đai và nguồn viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa; chủlực thực hiện công nghiệp hóa là Nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước; việcphân bổ nguồn lực để công nghiệp hóa được thực hiện thông qua cơ chế kế hoạchhóa tập trung quan liêu, bao cấp, không tôn trọng các qui luật của thị trường.  
- Nóng vội, giản đơn, duy ý chí, ham làm nhanh,làm lớn, không quan tâm đến hiệu quả kinh tế - xã hội.  
**- Kết quả**  
i. So với năm 1955, số xí nghiệp tăng lên 16,5 lần.Nhiều khu công nghiệp lớn đã hình thành, đã có nhiều cơ sở đầu tiên cho cácngành công nghiệp nặng quan trọng như điện, than, cơ khí, luyện kim, hóa chấtđược xây dựng.  
ii. Đã có hàng chục trường cao đẳng, đại học,trung học chuyên nghiệp, dạy nghề đào tạo được đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuậtxấp xỉ 43 vạn người, tăng 19 lần so với năm 1960 là thời điểm bắt đầu công nghiệphóa.  
**- Ý nghĩa:**Những kết quả trên đây có ý nghĩa hết sức quan trọng -tạo cơ sở ban đầu để nước ta phát triển nhanh hơn trong các giai đoạn tiếptheo.  
**- Hạn chế**  
i. Cơ sở vật chất - kỹ thuật còn hết sức lạc hậu.Những ngành công nghiệp then chốt còn nhỏ bé và chưa được xây dựng đồng bộ,chưa đủ sức làm nền tảng cho nền kinh tế quốc dân.  
ii. Lực lượng sản xuất trong nông nghiệp mới chỉbước đầu phát triển, nông nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu về lương thực, thựcphẩm cho xã hội. Đất nước vẫn trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, kém phát triển,rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội.

**- Nguyên nhân nhữnghạn chế**  
i. Về khách quan: Tiến hành công nghiệp hóa từđiểm xuất phát thấp (nền kinh tế lạc hậu, nghèo nàn) và trong điều kiện chiếntranh kéo dài, vừa bị tàn phá nặng nề, vừa không thể tập trung sức người, sức củacho công nghiệp hóa.   
ii. Về chủ quan: Những sai lầm nghiêm trọng xuấtphát từ chủ quan duy ý chí trong nhận thức và chủ trương công nghiệp hóa

***Câu 54: Những quan điểm chỉ đạo của Đảng về phát triển văn hóa thời kỳ đổi mới đất nước ?***

**Phân tích quan điểm : văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội, là mục tiêu, là động lực phát triển kinh tế xã hội?**

**Phân tích quan điểm : Nền văn hóa VN là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc VN.**

Văn hóa:

\*Theo nghĩa rộng là tổng thể tất cả các giá trị vật chất, giá trị tình thần do cộng đồng các dân tộc VN sáng tạo trong quá trình dựng nước và giữ nước.

\*Theo nghĩa hẹp: Văn hóa là đời sống tinh thần của xã hội là hệ thống các giá trị truyền thống, lối sống là năng lực sáng tạo của 1 dân tộc, là bản sắc của 1 dân, là cái để phân biệt dân tộc này với dân tộc khác.

Những quan điểm chỉ đạo của đảng về xây dựng , phat triển văn hóa trong thời kỳ đổi mới đất nước:

-Văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội, vừa là mục tiêu , vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế-xa hội.

-Nề n văn hóa VN là nền văn hóa tiên tiến , đậm đà bản sắc dân tộc.

-Nền văn hóa VN là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc VN.

-Xây dựng và phát triển nền văn hóa là sự nghiệp của toàn dân , do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữu vai trò quan trọng.

-Văn hóa là một mặt trận, xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp CM lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí CM và sự kiên trì, thận trọng.

-Gắn phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng chỉnh đốn đảng là then chốt với xây dựng và phát triển văn hóa VN

**\*Phân tích quan điểm: văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội, là mục tiêu, là động lực phát triển kinh tế xã hội.**

-Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội.

Theo UNESCO: Văn hóa phản ánh và thể hiện một cách tổng quát, sống động mọi mặt của cuộc sống diễn ra trong quá khứ cũng như đang diễn ra trong hiện tại; qua hàng bao thế kỷ nó cấu thành nên một hệ thống các giá trị , truyền thống và lối sống mà trên đó từng dân tộc tự khẳng định bản sắc riềng của mình.

Các giá trị trên tạo thành nền tảng tinh thần của xã hội vi nó được thấm nhuần trong mỗi con người và trong cả cộng đồng dân tộc. Nó được truyền lại, tiếp nối và phát huy qua các thế hệ người VN.

Vì vậy, chúng ta chủ trương làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực các giá trị văn hóa trở thành nền tảng tinh thần vững bền của xã hội, trở thành động lực phát triển kinh tế xã hội.

-Văn hóa là động lực thúc đẩy sự phát triển.

+Văn hóa được hình thành trong suốt chiều dai lịch sử của dân tộc VN, từ khi lịch sử dân tộc VN được hình thành thì văn hóa cũng chính thức có những yếu tố để hình thành nền nó ,và chính sự phát triển về văn hóa thì nó sẽ phản ánh trực tiếp đời sống vật chất và đời sống tinh thần của all các cộng đồng dân tộc sinh sống trên lãnh thổ VN. Đất nước ta có 54 dân tộc anh aem, điều đó nó cũng phản ánh 54 nền văn hóa cực kỳ đa dạng, cực kỳ phong phú. Mỗi một dân tộc , mỗi một nền văn hóa đều có một nét văn hóa đặc trưng, không có sự tương đồng giữa các nền văn hóa, nhưng nó cùng tạo nên một tổng thể văn hóa và thống nhất.

+Văn hóa bao gồm hệ thống all các giá trị bền vững, và các giá trị bền vững này được xây dựng trong chiều dài lịch sử dân tộc VN, và lịch sử dân tộc VN với hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước.

+Trong giá trình xây dựng đất nước và đặc biệt là trong quá trình đổi mới toàn diện của đất nước từ năm 1986 trở đi.Đảng ta đã chủ trương đổi mới trên nhiều lĩnh vực như kinh tế, chính trị, văn hóa, xa hội... Văn hóa cũng là một trong những lĩnh vực trọng tâm để đảng ta tiến hành đổi mới, và từng bước xây dựng nền văn hóa mới là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng một nền văn hóa mà chúng ta sẵn sàng hòa nhập với các nền văn hóa tiên tiến trên thế giới , nhưng không thể hòa tan, mà chúng ta phải giữ gìn những bản sắc riêng của dân tộc VN.

+Trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, đặc biệt khi mà cuộc CM khoa học – công nghệ của chúng ta có sự phát triển mạnh mẽ, thì yêu tố văn hóa là một trong những yếu tố để góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa con người. Nói đến văn hóa thì chúng ta thướng nói đến là chân, là thiện , là mỹ; nói đến phẩm chất của người phụ nữ thì đo là công ,dung, ngôn, hạnh. Tất cả nhũng giá trị này nó sẽ thể hiện đậc trưng của nền văn hóa không chỉ của từng dân tộc, mà là của toàn thể dân tộc VN.

-Văn hóa là một mục tiêu của phát triển

+Trong vấn đề xây dựng và bảo vệ mt thì yếu tố văn hóa giữ vai trò cực kỳ quan trọng . Văn hóa giúp con người điều chỉnh các mối quan hệ xã hội trở nên hài hòa hơn , đo là mối quan hệ giữa con người với con người , giữa con người với xã hội. Từ đây, sẽ giúp cho chúng ta hình thành ý thức , cũng như nhân cách một cách toàn diện hơn.

VD: +Vấn đề cá chết ở vùng biển Hà Tĩnh.

+ Nơi công cộng (trường học, bệnh viện,....) có thùng rấc công cộng , nhưng người dân có vứt vào thùng rác đâu, dân ta cứ tiện đâu là xả rác đó.

+Trong chiến luojc phát triể kinh tế xã hội đến năm 2010, Đảng ta đã xác định rõ tầm quan trọng , vị trí, vai trò của vấn đề văn hóa. Đó là, Đảng ta đưa ra quan điểm rất rõ ràng, khẳng định “tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển văn hóa xã hội, để từ đó từng bước đảm bảo vấn đề về mt , vấn đề về an ninh”. Như vậy, không chỉ có tăng trưởng kinh tế , mà vấn đề văn hóa đã đc đi liền với mục tiêu phát triển kinh tế đóa. Điều này đảm bảo sự phát triển song song, đồng hành giữa kinh tế và văn hóa. Cụ thể hơn nữa, trong Đại hội X, Đảng ta đã hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh , xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Từng bước phát triển nền văn hóa với đặc trưng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Việc phát triển kinh tế - xã hội cần đến nhiều nguồn lực khác nhau như tài nguyên, vốn , v...v... Những nguồn lực này đều có hạn và có thể bị khai thác cạn kiệt. Chỉ có tri thức con người mới là nguồn lực vô hạn, có khả năng tái sinh và tự sinh không bao giờ cạn kiệt. Các nguồn lực khác sẽ ko đc sử dụng có hiệu quả nếu không có những con người đủ trí tuệ và năng lực khai thác chúng.

Năm 1990, chương trình phát triển của liên hợp quốc (UNDP) đưa ra những tiêu chí mới để đánh giá mức độ phát triển của các quốc gia. Đó là chỉ số phát triển con người, 1 trong 3 chỉ tiêu của cách tính toán mới này là thành tựu giáo dục (hai chỉ tiêu khác là tuổi thọ bình quân và mức thu nhập). Chỉ tiêt giáo dục lại đc tổng hợp từ hai tiêu chí : Tình trạng học vấn của nhân dân và số năm được giáo dục tính bình quân cho mỗi người.

Theo đó, quốc gia nào đạt thành tựu giáo dục cao, tức là có vốn trí tuệ toàn dân nhiều hơn thì chứng tỏ xã hội đó phát triển hơn, có kahr năng tăng trưởng dồi dào. Như vậy văn hóa trực tiếp tạo dựng và nâng cao vốn “ tài nguyên người”.

VN từ 1 nước nông nghiệp lạc hậu, đi vào CNH,HĐH, nên chưa có lợi thế về chỉ số phat triển con người như mong muốn. Tỷ lệ người biết đọc , biết viết được xếp vào thứ hạng cao trong khu vực nhưng nguy cơ tái mù chữ lại đang tăng, đb là mù ngoại ngữ , tin học.

**\*Phân tích quan điểm : Nền văn hóa VN là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc VN.**

-Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH theo chủ nghĩa Mác-leenin và tư tưởng HCM nhằm mục tiêu tất cả vì con người.

-Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị văn hóa truyền thống bền vững của cộng đồng các dân tộc VN được xay dựng, vun dắp qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước.

Đó là lòng yêu nước , ý chí tự lực tự cường tinh thần đoàn kết , đó là lòng nhân ái khoan dung, trọng đạo lý ,là đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất...

***Câu 55: Công lao của Nguyễn Ái Quốc đối với cuộc vận động thành lập Đảng cộng sản Việt Nam?***

\* Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước giải phóng dân tộc:   
- Ngày 5 - 6 - 1911, từ cảng Nhà Rồng, Nguyễn Ái Quốc làm phụ bếp trên tàu Đô đốc Trêvin và bắt đầu cuộc hành trình vạn dặm, hòa mình vào cuộc sống lao động Pháp để tìm đường cứu nước. Từ 1911 đến 1917, Người đã đến nhà nước châu Âu, châu Phi và châu Mĩ. Cuối năm 1917, Người trở lại Pháp theo đuổi lí tưởng của Đại Cách mạng Pháp: Tự do, Bình đẳng và Bác ái.  
- Ngày 18 - 6 - 1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, Nguyễn Tất Thành với tên gọi là Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Véc-xai Bản yêu sách của nhân dân An Nam.  
- Giữa năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê-Nin. Từ đây người tìm ra con đường cứu nước giải phóng dân tộc.  
\* Nguyễn Ái Quốc truyền bá CN Mác-Lênin chuẩn bị thành lập đảng:  
- Năm 1921, cùng với một số người yêu nước của An-giê-ri, Ma-rốc, Tuy-ni-di,... Nguyễn Ái Quốc lập ra Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa ở Pa-ri để đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa thực dân.  
- Tháng 6 - 1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật rời nước Pháp sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế Nông dân ( 10 - 1923 ) và được bầu vào Ban chấp hành Hội. Người ở lại Liên Xô, vừa nghiên cứu, học tập, viết bài cho báo Sự thật của Đảng Cộng sản Liên Xô, tạp chí Thư tín Quốc tế của Quốc tế Cộng sản. Tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V ( 1924 ), Nguyễn Ái Quốc trình bày lập trường quan điểm của mình về vị trí chiến lược của cách mạng các nước thuộc địa, về mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa, về vai trò và sức mạnh to lớn của giai cấp nông dân ở các nước thuộc địa.  
- Ngày 11 - 11 - 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu ( Trung Quốc ) để trực tiếp đào tạo cán bộ, xây dựng tổ chức cách mạng, truyền bá lí luận cách mạng giải phóng dân tộc vào Việt Nam. Người đã tiếp xúc với các nhà cách mạng Việt Nam đang hoạt động ở đây và chọn một số thanh niên hăng hái trong tổ chức Tâm tâm xã, mở các lớp huấn luyện chính trị ngắn hạn để đào tạo họ thành cán bộ cách mạng đưa về nước hoạt động.  
- Nhờ hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, phong trào cách mạng ở trong nước ngày càng phát triển sôi nổi, khuynh hướng các mạng vô sản dần dần chiếm ưu thế trong phong trào dân tộc. Đến năm 1929, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã xây dựng cơ sở ở khắp ba kì.Những hoạt động của Người từ 1911 đến 1929 có tác dụng quyết định trong việc chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và đạo đức cho việc thành lập chính đảng của giai cấp vô sản Việt Nam.  
\* Nguyễn Ái Quốc đã thống nhất 3 đảng:  
- Sau một thời gian dài hoạt động có hiệu quả, tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên dần dần mất vai trò lịch sử. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng trong nước đòi hỏi phải có một đảng cách mạng tiên phong đủ sức lãnh đạo và đưa phong trào tiếp tục ......... Để đáp ứng nhu cầu đó, từ giữa đến cuối năm 1929, ở Việt Nam đã lần lượt xuất hiện ba tổ chức cộng sản là Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn.  
- Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản nói trên đánh dấu sự phát triển vượt bậc của phong trào cách mạng nước ta. Tuy nhiên trong quá trình hoạt động, các tổ chức này đã đả kích lẫn nhau, làm giảm uy tín của các tổ chức cộng sản và gây ảnh hưởng tiêu cực đến phong trào cách mạng đang lên.  
- Từ 3 - 2 đến 7 - 2 - 1930, Nguyễn Ái Quốc triệu tập hội nghị để hợp nhất các tổ chức cộng sản tại Hương Cảng ( Trung Quốc ). Người chủ trì hội nghị và đã phân tích những hoạt động bè phái, chia rẽ của ba tổ chức cộng sản và tác hại của nó. Do yêu cầu cấp thiết của cách mạng Việt Nam và uy tín đức độ của Người nên đã đã thống nhất được các tổ chức cộng sản. Hội nghị nhất trí hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam thành đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.  
\* Thành lập ĐCSVN:  
- Thông qua chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo đã vạch ra đường lối, phương hướng cơ bản cho cách mạng Việt Nam ( đây chính là bản cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam ).  
=>Hai thập niên đầu thể kỉ XX, với những hoạt động cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã truyền bá chủ nghĩa Mác-LêNin vào Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho việc thành lập Đảng. Đồng thời, Người đã thành công trong việc hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

***Câu 56: Quan điển của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội trong thời kỳ đổi mới đất nước?***

**- Một là**:kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội  
+ kế hoạch phát triển kinh tế phải tính đến mục tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội có lien quan trực tiếp.phải tính đến các tác động và hậu quả xã hội có thể xảy ra để chủ động xử lí.  
+ phải tạo sự thống nhất, đồng bộ giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội  
**- Hai là**:xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ,công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển.  
+ nhiệm vụ gắn kết này không dừng lại như một khẩu hiệu,móa thột lời khuyến nghị mà phải được pháp chế thành các thể chế có tính cưỡng chế,buộc các chủ thể phải thi hành  
+ các cơ quan ,các chủ thể phải triệt để thi hành.phát triển bền vững phát triển “sạch”,phát triển hài hòa,không chạy theo số lượng tăng trưởng bằng mọi giá.  
**- Ba là:**chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế,gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ,giữa cống hiến và hưởng thụ.  
+ chính sách xã hội có vị trí vai trò độc lập tương đối với kinh tế,nhưng không thể tách rời trình độ phát triển kinh tế,cũng không thể dựa vào viện trợ như thời bao cấp.  
+ trong chính sách xã hội phai gắn bó giữa quyền lợi và nghĩa vụ,giữa cống hiến và hưởng thụ.Đó là một yêu cầu của công bằng xã hội và tiến bộ xã hội  
**- Bốn là**:coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu nười gắn với chỉ tiêu phát triển con người(HDI),và chỉ tiêu phát triển các lĩnh vục xã hội  
- Giải quyết chính sách xã hội theo tinh thần xã hội hóa.

***Câu 58, 59: Chủ trương của ĐH Đảng 7 về xây dựng nên kinh tế hàng hóa nhiều thành phần định hướng XHCN?******: Chủ trướng xóa bỏ triệt để cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp xây dựng và SD cơ chế thị trường?***

- Đại hội VI chủ trương coi nền kinh tế nhiều thành phần là sự tồn tại tất yếu trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở nước ta, cho phép chúng ta khai thác mọi tiềm năng của các thành kinh tế ngoài quốc doanh và tập thể vào xây dựng, phát triển kinh tế đất nước, trước mắt là huy động được vốn đầu tư, giải quyết việc làm. Ngoài ra, quan điểm về cải tạo XHCN đối với các thành phần kinh tế là ***sự dụng để cải tạo, cải tạo để sử dụng tốt hơn*** và được coi là nhiệm vụ ***tiến hành trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH*** ở nước ta.  
- Quan điểm của Đảng ta rất dứt khoát: “Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, không phân biệt đối xử, không tước đoạt tài sản hợp pháp, không gò ép tập thể hóa tư liệu sản xuất, ...”*[[9]](http://kenhsinhvien.net/url/?http%3A%2F%2Fwww.tinhte.vn%2F%23_ftn6" \t "_blank)* và “ trong nền kinh tế thị trường, với quyền tự do kinh doanh được pháp luật đảm bảo, từ ba loại hình sở hữu cơ bản( toàn dân, tập thể, tư nhân) ...” “ Mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật... Mọi đơn vị kinh tế, không phân biệt quan hệ sở hữu đều hoạt động theo cơ chế tự chủ kinh doanh, hợp tác và cạnh tranh với nhau bình đẳng trước pháp luật”  
- Như vậy đối với các thành phần kinh tế, quan điểm của Đại hội VII là sự khẳng định, kế thừa của Đại hộiVI và có bổ sung, phát triển một số điểm mới quan trọng:  
*i. Một là*, chính thức thừa nhận sở hữu tư nhân cùng tồn tại với sở hữu nhà nước và tập thể trong đời sống kinh tế- xã hội nước ta và được Nhà nước bảo hộ những thu nhập hợp pháp.  
*ii. Hai là*, vấn đề cải tạo XHCN đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh và tập thể sẽ được cụ thể hóa bằng các chế định pháp lý nhằm phục vụ có hiệu quả cho mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội của đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH.  
- Những điểm mới trên đã tạo sự bình đẳng thực sự trước pháp luật giữa các thành phần kinh tế và mọi hình thức sở hữu, là động lực thúc đẩy sức sản xuất trong xã hội phát triển mạnh mẽ.  
- Tuy nhiên, với kinh tế quốc doanh, Đại hội VII cũng nhấn mạnh phải được củng cố, phát triển, sắp xếp lại, đổi mới công nghệ và tổ chức quản lý để nắm vững những ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế nhằm phát huy vai trò chủ đạo và chức năng là công cụ điều tiết vĩ mô của Nhà nước, giữ vững định hướng XHCN trong thời kỳ quá độ.  
Tóm lại, chủ trương của Đại hội VII về cơ cấu thành phần kinh tế đã tạo ra€ **điểm nhấn quyết định** trong tiến trình đổi mới, tháo bỏ mọi “ rào cản” cho sức sản xuất phát triển trên tất cả các ngành, lĩnh vực và vùng kinh tế, huy động được mọi nguồn lực trong xã hội vào xây dựng, phát triển kinh tế đất nước.

*: Chủ trướng xóa bỏ triệt để cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp xây dựng và SD cơ chế thị trường?*

thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa•  
- Làm cho nó pù hợp với các yêu cầu và nguyên tắc của kinh tế thị trường,định hướng xã hội chủ nghĩa,làm cho nó vận hành thông suốt và hiệu quả.  
- Một số điểm cần thống nhất:cần thiết sử dụng kinh tế thị trường làm phương tiện xây dựng chủ nghĩa xã hội,kinh tế thị trường là cơ sở kinh tế của sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa  
Hoàn thiện thể chế về sở hữu và các thành phần kinh tế,loại hình doanh nghiệp và các tổ chức kinh doanh•  
- Hoàn thiện thể chế về sở hữu:  
i. Khẳng định đất đai thuộc sở hữu toàn dân mà đại diện là nhà nước,đồng thời đảm bảo quyền và tôn trọng người sử dụng đất.  
ii. Tách biệt vai trò của nhà nước với tư cách là bộ máy công quyền quản lí toàn bộ nền kinh tế-xã hội với vai trò chủ sở hữu tài sản,vốn của nhà nước.  
iii. Quy định rõ cụ thể về quyền của chủ sở hữu và những người lien quan đối với các loại tài sản.đồng thời quy định rõ trách nhiệm nghĩa vụ của họ đối với xã hội.bổ sung luật pháp,cơ chế,chính sách khuyến khích,hỗ trợ phát triển sở hữu tập thể,các hợp tác xã bảo vệ quyền và lợi ích của xa viên đối với tài sản.  
iv. Ban hanh các quy định pháp lí về quyền sở hữu của doanh nghiệp,tổ chức cá nhân nước ngoài ở việt nam.  
- Hoàn thiện thể chế và phân phối  
Hoàn thiện luật pháp cơ chế chính sách về cơ chế nguồn lực,phân phối lại theo hướng bảo đảm tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước từng chính sách phát triển.  
hoàn thiện thể chế bảo đảm đông bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường•  
hoàn thiện thể chế bảo đảm đông bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường•  
hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ,công bằng xã hội trong từng bước,từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường•  
hoàn thiện thể chế về vai trò lãnh đạo của đảng,quản lí của nhà nước và sự tham gia của các tổ chức quần chung vào quá trình phát triển kinh tế-xã hội•

\* ***Phân tích chủ trương thực hiện nhất quán chính sách phát triern các thành phần kinh tế?***

***Câu 60: Quyết tâm chống mỹ cứu nước được thể hiện trong 2 nghị quyết trung ương 11(3/1965) và 12/1965?ý nghĩa lịch sử và hiện thưc?***

Hội nghị Trung Ương lần thứ 11(3-1965) và lần thứ 12 (12-1965) đã tập trung đánh giá tình hình và đề ra đường lối kháng chiến chống Mĩ, cứu nước trên cả nước.  
**- Nhận định tình hình và chủ trương chiến lược:**  
+ TƯ cho rằng cuộc chiến tranh cục bộ mà Mĩ đang tiến hành ở miền Nam là cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới.  
+ Mĩ thực hiện chiến lược chiến tranh cục bộ trong thế thua, thế thất bại và bị động, cho nên nó chứa đựng đầy mâu thuẫn về chiến lược.  
+ TƯ quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước trong toàn quốc, coi chống Mĩ cứu nước là nhiệm vụ hàng đầu thiêng liêng của cả dân tộc từ Nam chí Bắc.  
\*Quyết tâm và mục tiêu chiến lược:  
+ Nêu cao khẩu hiệu “quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ xâm lược”, “kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của Mĩ trong bất kì tình huống nào, để bảo vệ miền bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà”  
-Phương châm chỉ đạo chiến lược: Tiếp tục chiến tranh nhân dân để chống chiến tranh cục bộ của Mĩ ở miền Nam cũng như chiến tranh phá hoại ở miền Bắc; thực hiện kháng chiến lâu dài dựa vào sức mình là chính, cố gắng đến mức cao, tập trung lực lượng để mở cuộc chiến tranh qui mô lớn.  
- Tử tưởng chủ đạo và phương châm đấu tranh ở miền Nam:Giữ vững và phát triển tiến công, kiên trì phương châm đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị , triệt để vận dụng 3 mũi giáp công , đánh địch trên cả 3 vùng chiền lược.  
- Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc:  
+ Chuyển hướng xây dựng kinh tế, đảm bảo tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh; tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của Mĩ  
+ Miền Bắc làm tròn nhiệm vụ hậu phương lớn chi viện cho miền Nam.  
  
-Nhiệm vụ và mối quan hệ giữa cuộc chiến tranh ở 2 miền:  
+ Miền Nam là tiền tuyến lớn, miền bắc là hậu phương lớn  
+ Bảo vệ miền bắc là nhiệm vụ cả nước, vì miền Bắc XHCN là hậu phương vững chắc trong cuộc chiến tranh chống Mĩ. Đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại ở miền bắc về mọi mặt nhằm đảm bảo chi viện đắc lực cho miền nam càng đánh càng mạnh.  
**\*Phân tích cơ sở khoa học của quyết tâm thắng mỹ:**

**\* Ý nghĩa lịch sử và hiện thực:**  
- Thể hiện quyết tâm đánh Mĩ và thắng Mĩ, tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần độc lập tự chủ, sự kiên trì mục tiêu giải phóng miền nam, thống nhất tổ quốc, phản ánh đúng đắn ý trí, nguyện vọng của toàn đảng toàn quân toàn dân ta.  
- Thể hiện tư tưởng nắm vững giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH tiếp tục tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ 2 chiến lược cách mạng trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh ở mức độ khác nhau, phù hợp với thực tế đất nước và bối cảnh quốc tế.  
- Đó là đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện lâu dài, dựa vào sức mình la chính được phát triển trong hoàn cảnh mới, tạo nên sức mạnh mới để dân tộc ta đủ sức đánh thắng giặc Mĩ xâm lược..  
- Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn cách mạng hiện nay.  
- Tăng cường xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ cách mạng, bảo vệ đảng chống lại những biểu hiện, những thế lực phản động chống phá Đảng và cách mạng Việt Nam.

***Câu 61: Mục tiêu của ĐH Đảng 7 về đổi mới hệ thống chính trị ở nướcta?***

- Báo cáo Chính trị (Đại hội VII) chỉ rõ: thựcchất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị nước ta là xây dựng nềndân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Dân chủ vừa là mụctiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới.  
ðNhư vậy mục tiêu chủ yếu của đỏi mới hệ thống chính trịla nhằm thực hiện tốt hơn nền dân chủ xã hội chủ nghĩa,phát huy quyền làm chủ đầyđủ của nhân dân.Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị của nước tatrong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủnghĩa,bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân.  
\* Nhận thức mới về mục tiêu đổi mới hệ thốngchính trị:  
Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độlên chủ nghĩa xã hội (1991) khẳng định: “Trong toàn bộ tổ chức và hoạt động củahệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bướchoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân ”.  
- Về vai trò lãnh đạo của Đảng, Đại hội VII xácđịnh vai trò của Đảng gắn liền với việc xây dựng và thực hiện thắng lợi Cươnglĩnh, Chiến lược và công cuộc đổi mới. Đồng thời gắn vai trò của Đảng với hệ thốngchính trị. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thốngấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt độngtrong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Đặc biệt trong bối cảnh quốc tế, trongnước và tình hình Đảng ta hiện nay việc xác định đúng và phát huy vai trò của Đảngcàng có ý nghĩa đặc biệt. Đảng lãnhđạo xã hội bằng Cương lĩnh, Chiến lược, các định hướng về chính sách và chủtrương công tác, bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểmtra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên.   
Đại hội VII khẳng định tăng cường sự lãnh đạo củaĐảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu vì trong điều kiện nước ta Đảng Cộng sảnlà lực lượng duy nhất lãnh đạo.   
+ Về bản chất giai cấp của Đảng, Đại hội VII khẳngđịnh Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiền phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đạibiểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cảdân tộc.   
+ Về nền tảng tư tưởng của Đảng, Đại hội VII khẳngđịnh: Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng,kim chỉ nam cho hành động.   
+ Về mục đích của Đảng, Đại hội VII xác định Đảnglãnh đạo nhân dân xây dựng nước Việt Nam dân chủ, giàu mạnh theo con đường xã hộichủ nghĩa và cuối cùng là thực hiện lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.   
+ Đại hội VII khẳng định tiếp tục đổi mới, chỉnhđốn Đảng. Đại hội VII coi việc tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn và nâng caonăng lực lãnh đạo của Đảng là yêu cầu quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựngĐảng, là công việc thường xuyên bảo đảm cho Đảng ta luôn luôn ngang tầm nhiệm vụcách mạng.   
Công tác xây dựng Đảng rất quan trọng nên việc đổimới ,chỉnh đốn Đảng phải được chỉ đạo một cách kiên quyết, có bước đi vững chắclàm từ Trung ương đến cơ sở, bằng nhiều biện pháp đồng bộ, gắn với quá trình đổimới cơ chế quản lý, tăng cường hệ thống chính trị, cải cách bộ máy Nhà nước, dựavào nhân dân, thông qu phong trào cách mạng của nhân dân để đổi mới, chỉnh đốnĐảng.   
  
Đại hội đã thông qua Điều lệ của Đảng (sửa đổi).Điều lệ gồm 12 chương, 47 điều. Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương(khoá VII) gồm 146 uỷ viên. Hội nghị thứ nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng(khoá VII) đã bầu Bộ Chính trị gồm 13 uỷ viên. Đồng chí Đỗ Mười được bầu làm TổngBí thư của Đảng.

***Câu 63,64: Quan điểm của Đảng về thực hiện CNH-HĐH đất nước trong thời kỳ đổi mới đất nước? Phân tích quan điểm CHN-HĐH gắn với phát triển kinh tế thị trường?***

- Công nghiệp hóa hiện đại hoá một quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ và quản lí xã hội từ lao động thủ công sang sử dung phổ biến sức lao động , công nghệ và phương thức tiên tiến, hiện đại dựa trên sự phát triến công nghệ và khoa học.  
**- Một là,**công nghiệp hóa gắn liền với hiện đại hóa và công nghiệp hóa,hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.  
**- Hai là,** công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinnh tế quốc tế.  
**- Ba là,** lấy phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.  
**- Bốn là,** khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa .  
**- Năm là,** phat triển nhanh, hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đoi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

***: Phân tích quan điểm CHN-HĐH gắn với phát triển kinh tế thị trường?***

-Công nghiệp hóa hiện đại hoá một quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ và quản lí xã hội từ lao động thủ công sang sử dung phổ biến sức lao động , công nghệ và phương thức tiên tiến, hiện đại dựa trên sự phát triến công nghệ và khoa học.  
**- Lực lượng:**  
+ Trước đây, tiến hành CNH trong cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp dẫn đến lực lượng tiến hành CNH là Nhà nước bằng một hệ thống chỉ tiêu, kế hoạch, pháp lệnh.  
+ Trong thời kì đổi mới, có nhiều thành phần kinh tế nền CNH - HDH được xem là sự nghiệp của toàn dân trong đó thành phần kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.  
**- Phương thức phân bổ các nguồn lực:**  
+ Trước đổi mới: phân bổ các nguồn lực thông qua kế hoạch, chỉ tiêu của nhà nước.  
+ Trong thời kì đổi mới: phân bổ các nguồn lực theo cơ chế thị trường để hiệu quả kinh tế cao hơn.  
**- Chiến lược phát triển:**  
+ Trước đổi mới: phát triển theo mô hình khép kín.  
+ Trong thời kì đổi mới: CNH được tiến hành trong bối cảnh mở cửa, hội nhập với nền kinh tế thế giới.  
- Đa dạng hóa các quy mô của CNH – HDH.  
- Kết hợp phát triển kinh tế CNH – HĐH với cũng cố tăng cường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

***\*Phân tích quan điểm* phat triển nhanh, hiệu quả và bền vững; gắn tăng trưởng kinh tế đi đoi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.**

**…….**

***\* Phân tích quan điểm công nghiệp gắn với hiện đại hóa và phát triển tri thức***

· nội dung:   
- Phát triển các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức   
- Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng...   
- Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý   
- Giảm chi phí trung gian, nâng cao năng suất lao động...   
  
· Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức   
· Đẩy mạnh công nghiệp, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân:  
- Một là, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.  
- Hai là, về qui hoạch và phát triển nông thôn.  
- Ba là, về giải quyết lao động, việc làm ở nông thôn.  
· Phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng và dịch vụ:  
- Một là, đối với công nghiệp và xây dựng.  
- Hai là, đối với dịch vụ.  
· Phát triển kinh tế vùng:  
- Có cơ chế chính sách phù hợp để các vùng trong cả nước phát triển nhanh hơn trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của từng vùng, đồng thời tạo ra sự liên kết giữa các vùng, khắc phục tình trạng chia cắt khép kín theo địa giới hành chính.  
- Xây dựng ba vùng kinh tế trọng điểm ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam để tạo đông lực phát triển và sự lan tỏa đến các vùng khác, có chính sách trợ giúp nhiều hơn về nguồn lực để phát triển các vùng khó khăn.  
· Phát triển kinh tế biển:  
Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển (hệ thống cảng biển và vận tải biển, công nghiệp đóng tàu biển, khai thác và chế biến dầu khí, khai thác và chế biền hải sản, phát triển du lịch,…). Sớm đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh và hợp tác quốc tế.  
· Chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu công nghệ:  
- Phát triển nguồn nhân lực có cơ cấu đồng bộ và chất lượng cao; giảm tỷ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp, đến năm 2010 còn dưới 50% lực lượng lao động xã hội.  
- Lựa chọn và đi ngay vào công nghệ hiện đại ở một số ngành và lĩnh vực then chốt. Chú trong phát triển công nghệ cao để tạo đột phá và công nghệ sử dụng nhiều lao động để giải quyết việc làm.  
- Kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo. Thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài.  
- Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ đặc biệt là cơ chế tài chính.  
· Bảo vệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia, cải thiện môi trường tự nhiên:  
- Tăng cường quản lý tài nguyên quốc gia. Quan tâm đầu tư vào lĩnh vực môi trường, khắc phục tình trạng xưống cấp môi trường. Ngăn chặn các hành vi hủy hoại và gây ô nhiễm môi trường; thực hiện nguyên tắc người gây ô nhiễm phải xử lý ô nhiễm hoặc chi trả cho việc xử lý ô nhiễm.  
- Từng bước hiện đại hóa công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng - thủy văn, chủ động phòng chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn.  
- Xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng dân số, phát triển kinh tế và đô thị hóa với bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững.  
- Mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên, chú trọng lĩnh vực quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

***Câu 65: Đặc điểm, hình thức hoạt động và ưu điểm, hạn chế của việcthực hiện cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp đối với nền kinh tếtrước đổi mới?***

•Đặc điểm chủ yếu của công nghiệp hóa thời kỳtrước đổi mới:  
ð Nhìn chung trong thời kì 1960-1985,chúng ta đãnhận thức và tiến hành công nghiệp hóa theo kiểu cũ với các đặc trưng:  
- Công nghiệp hóa theo mô hình nền kinh tế khépkín, hướng nội và thiên về phát triển công nghiệp nặng.  
- Công nghiệp hóa chủ yếu dựa vào lợi thế về laođộng, tài nguyên, đất đai và nguồn viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa; chủlực thực hiện công nghiệp hóa là Nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước; việcphân bổ nguồn lực để công nghiệp hóa được thực hiện thông qua cơ chế kế hoạchhóa tập trung quan liêu, bao cấp, không tôn trọng các qui luật của thị trường.  
- Nóng vội, giản đơn, duy ý chí, ham làm nhanh,làm lớn, không quan tâm đến hiệu quả kinh tế - xã hội.  
**- Kết quả**  
i. So với năm 1955, số xí nghiệp tăng lên 16,5 lần.Nhiều khu công nghiệp lớn đã hình thành, đã có nhiều cơ sở đầu tiên cho cácngành công nghiệp nặng quan trọng như điện, than, cơ khí, luyện kim, hóa chấtđược xây dựng.  
ii. Đã có hàng chục trường cao đẳng, đại học,trung học chuyên nghiệp, dạy nghề đào tạo được đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuậtxấp xỉ 43 vạn người, tăng 19 lần so với năm 1960 là thời điểm bắt đầu công nghiệphóa.  
**- Ý nghĩa:**Những kết quả trên đây có ý nghĩa hết sức quan trọng -tạo cơ sở ban đầu để nước ta phát triển nhanh hơn trong các giai đoạn tiếptheo.  
**- Hạn chế**  
i. Cơ sở vật chất - kỹ thuật còn hết sức lạc hậu.Những ngành công nghiệp then chốt còn nhỏ bé và chưa được xây dựng đồng bộ,chưa đủ sức làm nền tảng cho nền kinh tế quốc dân.  
ii. Lực lượng sản xuất trong nông nghiệp mới chỉbước đầu phát triển, nông nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu về lương thực, thựcphẩm cho xã hội. Đất nước vẫn trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, kém phát triển,rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội.  
**- Nguyên nhân nhữnghạn chế**  
i. Về khách quan: Tiến hành công nghiệp hóa từđiểm xuất phát thấp (nền kinh tế lạc hậu, nghèo nàn) và trong điều kiện chiếntranh kéo dài, vừa bị tàn phá nặng nề, vừa không thể tập trung sức người, sức củacho công nghiệp hóa.   
ii. Về chủ quan: Những sai lầm nghiêm trọng xuấtphát từ chủ quan duy ý chí trong nhận thức và chủ trương công nghiệp hóa.

***câu 66 Phân tích quan điểm công nghiệp gắn với hiện đại hóa và phát triển tri thức***

ð - Công nghiệp hóa hiện đại hoá một quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ và quản lí xã hội từ lao động thủ công sang sử dung phổ biến sức lao động , công nghệ và phương thức tiên tiến, hiện đại dựa trên sự phát triến công nghệ và khoa học.  
**- Một là,**công nghiệp hóa gắn liền với hiện đại hóa và công nghiệp hóa,hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.  
**- Hai là,** công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinnh tế quốc tế.  
**- Ba là,** lấy phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.  
**- Bốn là,** khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa .  
**- Năm là,** phat triển nhanh, hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đoi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

· nội dung:   
- Phát triển các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức   
- Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng...   
- Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý   
- Giảm chi phí trung gian, nâng cao năng suất lao động...   
  
· Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức   
· Đẩy mạnh công nghiệp, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân:  
- Một là, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.  
- Hai là, về qui hoạch và phát triển nông thôn.  
- Ba là, về giải quyết lao động, việc làm ở nông thôn.  
· Phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng và dịch vụ:  
- Một là, đối với công nghiệp và xây dựng.  
- Hai là, đối với dịch vụ.  
· Phát triển kinh tế vùng:  
- Có cơ chế chính sách phù hợp để các vùng trong cả nước phát triển nhanh hơn trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của từng vùng, đồng thời tạo ra sự liên kết giữa các vùng, khắc phục tình trạng chia cắt khép kín theo địa giới hành chính.  
- Xây dựng ba vùng kinh tế trọng điểm ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam để tạo đông lực phát triển và sự lan tỏa đến các vùng khác, có chính sách trợ giúp nhiều hơn về nguồn lực để phát triển các vùng khó khăn.  
· Phát triển kinh tế biển:  
Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển (hệ thống cảng biển và vận tải biển, công nghiệp đóng tàu biển, khai thác và chế biến dầu khí, khai thác và chế biền hải sản, phát triển du lịch,…). Sớm đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh và hợp tác quốc tế.  
· Chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu công nghệ:  
- Phát triển nguồn nhân lực có cơ cấu đồng bộ và chất lượng cao; giảm tỷ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp, đến năm 2010 còn dưới 50% lực lượng lao động xã hội.  
- Lựa chọn và đi ngay vào công nghệ hiện đại ở một số ngành và lĩnh vực then chốt. Chú trong phát triển công nghệ cao để tạo đột phá và công nghệ sử dụng nhiều lao động để giải quyết việc làm.  
- Kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo. Thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài.  
- Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ đặc biệt là cơ chế tài chính.  
· Bảo vệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia, cải thiện môi trường tự nhiên:  
- Tăng cường quản lý tài nguyên quốc gia. Quan tâm đầu tư vào lĩnh vực môi trường, khắc phục tình trạng xưống cấp môi trường. Ngăn chặn các hành vi hủy hoại và gây ô nhiễm môi trường; thực hiện nguyên tắc người gây ô nhiễm phải xử lý ô nhiễm hoặc chi trả cho việc xử lý ô nhiễm.  
- Từng bước hiện đại hóa công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng - thủy văn, chủ động phòng chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn.  
- Xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng dân số, phát triển kinh tế và đô thị hóa với bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững.  
- Mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên, chú trọng lĩnh vực quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước.